

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/DSST

Ngày 17-7-2017

“V/v yêu cầu hủy hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất
và giải quyết hậu quả pháp lý
của việc hủy hợp đồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội nhân dân:

1. Bà Hứa Thị Nhị
2. Ông Lý Văn Vịnh

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Luân – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Đăk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Cảnh Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 07 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2016/TLST-DS, ngày 17/6/2016 về việc “Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giải quyết hậu quả pháp lý của việc hủy hợp đồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐST-DS ngày 21/04/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Dương Tiến Th. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh Trần Văn T. Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Chu Thị Mộng K. Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

+ Anh Nguyễn Bình V. Vắng mặt không lý do.

Địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

+ Chị Triệu Thị Q.

Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Triệu Thị Q: Anh Dương Tiến Th – theo văn bản ủy quyền ngày 26/10/2016. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Triệu Thị Q là anh Dương Tiến Th trình bày: Vào ngày 30/8/2015, anh Th có nhận chuyển nhượng của anh Trần Văn T diện tích khoảng 03ha, giá đôi ngang một chiếc xe cang, trị giá chiếc xe cang 102.000.000đ. Khi chuyển nhượng hai bên có viết giấy tờ tay với nhau có chữ ký của người bán rẫy vợ chồng anh T, chị K và người mua anh Phạm Văn T (anh rể của anh Th). Lý do anh T đứng ra ký và viết giấy mua bán là do anh Th nhờ anh T đứng ra ký giấy mua bán giúp. Sau khi viết giấy bán rẫy vợ chồng anh T đã nhận xe cang và cam kết trong thời gian 02 tháng sẽ bàn giao rẫy cho anh Th. Đến ngày 29/09/2015, anh Th tiếp tục nhận chuyển nhượng thêm 01 lô đất rẫy liền kề rẫy anh T bán trước đó cho anh Th diện tích khoảng 5.000m² với giá 70.000.000đ và anh T đã nhận đủ số tiền 70.000.000đ, khi chuyển nhượng hai bên viết giấy tờ tay có chữ ký của anh T. Cả 02 lô đất anh T chuyển nhượng cho anh Th điều do Công ty TNHH MTV Đ quản lý. Đến thời hạn giao rẫy anh T không giao rẫy cho anh Th và do đất tranh chấp với nhiều người nên anh Th đề nghị vợ chồng anh T trả lại số tiền và xe cang đã nhận, anh T có trả cho anh Th được số tiền 10.000.000đ. Nay anh Th làm đơn khởi kiện ra Tòa án đề nghị Tòa án hủy hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 30/8/2015 và ngày 29/9/2015 và yêu cầu anh T, chị K (vợ anh T) trả lại số tiền 60.000.000đ còn lại và xe cang đã nhận, hiện nay xe cang anh T đã bán cho người khác thì đề nghị anh T trả lại tiền theo giá trị xe cang tại thời điểm chuyển nhượng.

Tại bản tự khai ngày 01/7/2016 và biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2016 bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh T thừa nhận có chuyển nhượng diện tích đất rẫy có khoảng 150 cây bơ, 350 trụ tiêu với giá thỏa thuận đôi lấy 01 xe cang và số tiền mặt 70.000.000đ như anh Th trình bày là đúng, khi chuyển nhượng hai bên có viết giấy tờ tay có chữ ký của hai bên. Sau khi nhận đủ tiền và nhận xe cang thì anh T giao rẫy cho anh Th. Xe cang hiện nay anh T đã bán cho anh Nguyễn Đình Đ với giá 60.000.000đ. Do không hiểu biết pháp luật nên anh T không biết diện tích đất rừng trên do Công ty TNHH MTV Đ quản lý nên anh mới chuyển nhượng cho anh Th. Việc anh Th khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng anh không đồng ý, anh không đồng ý trả lại số tiền 70.000.000đ và xe cang vì anh Th đã làm tiêu và bơ của anh xuống cấp.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2016, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Chu Thị Mộng K trình bày: Chị K là vợ của anh Trần Văn T, chị biết anh T có 01 mảnh rẫy khai hoang, đó là tài sản riêng của anh T, sau đó bán cho anh Th trong giấy mua bán rẫy thì chị không ký, nhưng trong giấy đôi xe cang đề ngày 30/8/2015 thì chị có ký vào lý do là do anh Th yêu cầu hai vợ chồng cùng ký. Sau khi ký giấy đôi xe cang thì vợ chồng chị nhận xe cang, sau đó bán lại cho anh Đ với số tiền 60.000.000đ.

Số tiền vợ chồng chị bán rẫy cho anh Th 70.000.000đ và số tiền bán xe cang thì vợ chồng đều dùng vào mục đích đầu tư vào rẫy tiêu cho gia đình. Nay anh Th khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng và trả lại số tiền 70.000.000đ, xe cang vợ chồng chị không đồng ý vì rẫy đã giao cho anh Th làm, còn xe cang thì vợ chồng chị cũng đã bán cho người khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2016, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Bình V trình bày:

Diện tích đất anh T chuyển nhượng cho anh Th có nguồn gốc là đất của ông H khai hoang chuyển nhượng lại cho anh T khoảng 02 sào sau đó anh T lại tự ý chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích đất của ông H cho anh Th. Diện tích đất trên ông H đã lấy lại (đã trừ ra phần diện tích 02 sào đã chuyển nhượng cho anh T) và chuyển nhượng cho anh Nguyễn Bình V giá 150.000.000đ vào tháng 5/2016. Hiện nay anh V đang quản lý, sử dụng toàn bộ phần diện tích đất trên. Diện tích đất trên trước đây ông H trồng được khoảng 300 trụ tiêu giả và trụ sồng, 100 cây bơ. Thời điểm anh T chuyển nhượng đất cho anh Th thì cũng nhờ anh ký làm chứng vào giấy sang nhượng anh cũng không đọc nội dung như thế nào. Quan điểm của anh V về việc giải quyết vụ án là đề nghị Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa anh T và anh Th vì trái pháp luật, anh T phải có trách nhiệm trả lại tiền cho anh Th. Đối với phần diện tích đất anh nhận chuyển nhượng từ ông H nay thuộc quyền sử dụng của anh không liên quan đến ông H, nếu Công ty Đ thu hồi lại đất thì anh trả lại cho công ty anh sẽ không có ý kiến gì.

Người làm chứng anh Phạm Văn T trình bày: Trong giấy đôi xe cang lấy rẫy đề ngày 30/8/2015 do anh T đứng ra viết giấy và ký vào giấy mua bán đó. Lý do anh T đứng ra ký vào bên người mua là do anh Th em vợ của anh T nhờ anh T đứng ra ký giấy giúp. Việc chuyển nhượng đó là giữa anh Th với anh T không liên quan đến anh T. Tại thời điểm đôi xe cang lấy rẫy anh T và anh Th thỏa thuận giá trị xe cang là 102.000.000đ, sau khi viết giấy xong anh T xem xe rồi nhận xe và không có ý kiến gì.

Người làm chứng anh Nguyễn Bình Đ trình bày: Anh Đ mua xe cang của anh T giá 60.000.000đ, thời điểm mua xe giá trị sử dụng khoảng được 50%, xe hoạt động tốt. Hiện nay xe anh Đ vẫn đang sử dụng. Do bận việc gia đình nên anh Đ đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh.

Người làm chứng anh Huỳnh Thanh H trình bày: Anh H đóng và bán xe cang trên cho anh Th vào năm 2015 với giá 110.000.000đ, khi bán hai bên có viết giấy tờ tay với nhau. Đặc điểm xe tự chế, vô lăng, cầu, nhíp, máy Giang Đông, lốp đấp 8.25, đinamô phát điện, sắt B7 nhà Bè, tôn thùng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn anh Trần Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Chu Thị Mộng K, anh Nguyễn Bình V. Tuy nhiên anh T, chị K và anh V vắng tại phiên đối chất, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và phiên Tòa lần thứ nhất. Vì vậy, Tòa án không tiến hành đối chất được và không tiến hành hòa giải về hậu quả của hợp đồng vô hiệu

giữa các đương sự với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX); Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa tốt cụ thể: Không chấp hành giấy triệu tập, đối chất, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài các chứng cứ là các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản thì trong quá trình giải quyết vụ án bên nguyên đơn cung cấp các chứng cứ cho Tòa án: Giấy đổi rẫy lấy xe cang đề ngày 30/8/2015 (bản gốc); giấy sang nhượng đất trồng hoa màu đề ngày 26/6/2015 (bản gốc); giấy sang nhượng đất trồng hoa màu đề ngày 29/9/2015 (bản gốc); giấy mua bán đất trồng hoa màu đề ngày 06/10/2015 (bản gốc) (đặc điểm chứng cứ giao nhận như biên bản giao nhận chứng cứ ngày 17/10/2016) và 01 hợp đồng đóng xe cang đề ngày 22/4/2015 (bản gốc), (đặc điểm chứng cứ giao nhận như biên bản giao nhận chứng cứ ngày 22/11/2016).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Anh Dương Tiến Th khởi kiện anh Trần Văn T về việc “Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bất động sản tranh chấp thuộc lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đ quản lý thuộc địa giới hành chính thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành pháp luật. Như vậy, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 BLTTDS.

[3] Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Th và anh T, chị K HĐXX thấy rằng: Vào ngày 30/8/2015, anh Th có nhận chuyển nhượng của anh T 01 lô đất giá trị đổi ngang một chiếc xe cang. Khi chuyển nhượng hai bên có viết giấy tờ tay với nhau có chữ ký của người bán rẫy là vợ chồng anh T, chị K. Anh Th có nhờ anh rẫy là Phạm Văn T đứng ra viết giấy mua bán, anh T cũng thừa nhận việc này (bút

lục 31,32). Sau khi viết giấy bán rẫy vợ chồng anh T đã nhận xe cang và hiện nay xe cang vợ chồng anh đã bán cho anh Nguyễn Bình Đ. Đến ngày 29/09/2015, anh Th tiếp tục nhận chuyển nhượng thêm 01 lô đất rẫy liền kề rẫy anh T chuyển nhượng trước đó cho anh Th diện tích khoảng 5.000m² với giá 70.000.000đ và anh T đã nhận đủ số tiền 70.000.000đ, khi chuyển nhượng hai bên có lập giấy tờ tay có chữ ký của anh T. Cả 02 lô đất anh T chuyển nhượng cho anh Th điều do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đ quản lý, xung quanh là rừng nguyên sinh. Vợ chồng anh T cũng thừa nhận việc chuyển nhượng này là có thật và cũng thừa nhận đã nhận xe cang và số tiền 70.000.000đ của anh Th theo quy định tại Điều 92 của BLTTDS 2015 thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Diện tích đất các bên tự ý chuyển nhượng cho nhau là đất rừng do Công ty TNHH MTV Đ quản lý nên đã vi phạm điều cấm của pháp luật quy định tại Điều 128 của BLDS 2005 và điểm a.6 mục 2.3 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân gia đình nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này bị vô hiệu. Do vậy, yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 30/8/2015 và đề ngày 29/9/2015 của anh Th có cơ sở chấp nhận.

Do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu nên theo quy định tại Điều 137 BLDS 2005 quy định: *“1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập.*

2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường”.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án anh Th, chị Q chỉ yêu cầu anh T, chị K trả lại những tài sản đã nhận, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét vấn đề bồi thường. Tại thời điểm chuyển nhượng hai bên thỏa thuận giá trị lô đất là đổi ngang 01 chiếc xe cang và số tiền 70.000.00đ. Vợ chồng anh T, chị K đã nhận xe cang và số tiền 70.000.000đ từ anh Th, chị Q; anh T đã trả lại cho anh Th, chị Q được số tiền 10.000.000đ, khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu anh T và chị K phải trả lại cho anh Th, chị Q toàn bộ số tiền 60.000.000đ còn lại và xe cang. Tuy nhiên hiện nay anh T, chị K đã bán chiếc xe này cho anh Đ, quá trình giải quyết vụ án anh Th yêu cầu anh T trả lại giá trị của xe cang tại thời điểm mua bán, nên cần buộc anh T, chị K thanh toán cho anh Th, chị Q giá trị chiếc xe cang tại thời điểm chuyển nhượng. Theo kết quả định giá tài sản giá trị xe cang tại thời điểm hai bên thỏa thuận đổi là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng), nên cần buộc anh T, chị K trả lại cho anh Th, chị Q tổng số tiền 155.000.000đ. Còn đối với phần diện tích đất chuyển nhượng là đất rừng do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đ quản lý, anh Th cũng chưa được nhận đất nên không đặt ra vấn đề trả lại đất chuyển nhượng.

Do đất các bên chuyển nhượng cho nhau là đất rừng do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đ quản lý nên Hội đồng định giá tài sản không định giá về đất mà định giá về tài sản trên đất và định giá giá trị xe cang. Theo biên bản định giá tài sản ngày

11/01/2017, tổng giá trị tài sản trên đất và giá trị xe cồng là 97.205.000đ (Chín mươi bảy triệu hai trăm linh năm nghìn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của BLDS 2015 để tính lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: chi phí thẩm định, định giá tài sản là 2.500.000đ, số tiền này do anh Th đã nộp tạm ứng trước. Do yêu cầu của anh Th được chấp nhận nên cần buộc anh T, chị K phải hoàn trả lại cho anh Th số tiền 2.500.000đ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu là 200.000đ, do yêu cầu khởi kiện của anh Th được chấp nhận nên buộc anh T, chị K phải nộp toàn bộ số tiền trên.

Án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu do anh T, chị K phải trả cho anh Th, chị Quy số tiền 155.000.000đ nên anh T, chị K phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là $155.000.000đ \times 5\% = 7.750.000đ$ (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho anh Dương Tiến Th, chị Triệu Thị Q số tiền 4.250.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 000205, ngày 17/6/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắc Song.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 128, Điều 137 của BLDS 2005; điểm a.6 mục 2.3 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 164; Điều 264; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/8/2015 và ngày 29/9/2015 giữa anh Dương Tiến Th và anh Trần Văn T, chị Chu Thị Mộng K là hợp đồng vô hiệu.

2. Buộc vợ chồng anh Trần Văn T, chị Chu Thị Mộng K trả lại cho anh Dương Tiến Th, chị Triệu Thị Q số tiền 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm

2015.

3. Về chi phí định giá tài sản: Buộc anh Trần Văn T, chị Chu Thị Mộng K phải chịu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Anh Dương Tiến Th, chị Triệu Thị Q đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền này nên anh T, chị K phải hoàn trả lại cho anh Th, chị Q số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí DSST: Buộc vợ chồng anh Trần Văn T, chị Chu Thị Mộng K phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với hợp đồng dân sự vô hiệu và 7.750.000đ (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm khi giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.

Hoàn trả cho anh Dương Tiến Th, chị Triệu Thị Q số tiền 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 000205, ngày 17/6/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Dương Tiến Th; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Triệu Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Trần Văn T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chu Thị Mộng K, Nguyễn Bình V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- STP tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Xuân Triệu

